

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST
Ngày: 10 - 6 -2020
V/v: đòi tài sản phát sinh từ
Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trương Thị Kim Tiên

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 603/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “ *Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Ng đơn:

- 1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947
- 1.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- 1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996
- 1.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh 1989
- 1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Là những người thừa kế quyền khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ng, anh Đ và anh L là ông Nguyễn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa Ng đơn ông Nguyễn Văn H thừa kế quyền khởi kiện bà Nguyễn Hồng Ng và ông H đại diện cho những người thừa kế khác là ông Đ, ông L, ông Th và bà Ng trình bày:

Bà Nguyễn Hồng Ng sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016 có chồng là ông (Nguyễn Văn H) có hai người con tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Hữu L, mẹ bà Ng là bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th. Lúc còn sống bà Ng có làm thảo hui còn bà Trương Hồ Điệp là hui viên, bà Điệp có tham gia các dây hui như sau:

1/ Hui khai ngày 10/01/2015, hui 5.000.000 đồng/tháng, gồm 23 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 16 kỳ thì hót với số tiền từng kỳ đã đóng là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.500.000 đồng; kỳ 3: 3.680.000 đồng; kỳ 4: 3.500.000 đồng; kỳ 5: 3.500.000 đồng; kỳ 6: 3.600.000 đồng; kỳ 7: 3.700.000 đồng; kỳ 8: 3.640.000 đồng; kỳ 9: 3.550.000 đồng; kỳ 10: 3.370.000 đồng; kỳ 11: 3.300.000 đồng; kỳ 12: 3.400.000 đồng; kỳ 13: 3.600.000 đồng; kỳ 14: 3.900.000 đồng; kỳ 15: 3.850.000 đồng; kỳ 16: 3.800.000 đồng; kỳ 17: hót 93.500.000 đồng; kỳ 18: đóng 5.000.000 đồng; kỳ 19: 5.000.000 đồng. Bà T đã đóng với số tiền là 67.390.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã hót vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn thiếu $93.500.000 \text{ đồng} - 67.390.000 \text{ đồng} = 26.110.000 \text{ đồng}$.

2/ Hui khai ngày 10/10/2015, hui 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 01 kỳ 3.500.000 đồng; kỳ 2: bà T hót là 67.660.000 đồng; từ kỳ 3 đến kỳ 10 bà T đóng mỗi kỳ $5.000.000 \text{ đồng} \times 8 = 40.000.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ số tiền hui hót vào số tiền bà T đóng thì bà T còn thiếu là $67.660.000 \text{ đồng} - 43.500.000 \text{ đồng} = 24.160.000 \text{ đồng}$.

3/ Hui khai ngày 10/12/2015, hui 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 07 kỳ với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.440.000 đồng; kỳ 3: 3.800.000 đồng; kỳ 4: 3.750.000 đồng; kỳ 5: 3.700.000 đồng; kỳ 6: 3.980.000 đồng; kỳ 7: 3.850.000 đồng; kỳ 8: hót 77.050.000 đồng. Khấu trừ số tiền đóng vào số tiền hót thì bà T còn thiếu $77.050.000 \text{ đồng} - 26.020.000 \text{ đồng} = 51.020.000 \text{ đồng}$.

4/ Hui khai 10/3/2016, dây hui 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 05 kỳ với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.600.000 đồng; kỳ 2: 3.500.000 đồng; kỳ 3: 3.750.000 đồng; kỳ 4: 3.470.000 đồng; kỳ 5: 3.900.000 đồng, với số tiền là 18.220.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

5/ Hui khai ngày 10/5/2015 hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà T tham gia 01 phần đã hót kỳ 11 với số tiền 34.500.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng cụ thể là: kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2: 1.450.000 đồng; kỳ 3: 1.450.000 đồng; kỳ 4: 1.450.000 đồng; kỳ 5: 1.450.000 đồng; kỳ 6: 1.450.000 đồng; kỳ 7: 1.450.000 đồng; kỳ 8: 1.450.000 đồng; kỳ 9: 1.450.000 đồng; kỳ 10: 1.450.000 đồng; kỳ 11: hót; kỳ 12: 2.000.000 đồng; kỳ 13: 2.000.000 đồng; kỳ 14: 2.000.000 đồng; kỳ 15: 2.000.000 đồng. Bà T đã đóng là 22.500.000 đồng. Khấu trừ tiền hui đã hót vào số tiền hui đã đóng bà T còn thiếu $34.500.000 \text{ đồng} - 22.500.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng}$.

6/. Hui khai ngày 10/10/2015 dây hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần đã hót kỳ 3 với số tiền là 28.500.000 đồng đã đóng được từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2: 1.450.000 đồng; kỳ 3: đã hót; kỳ 4 đến kỳ 10 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng, với số tiền bà T đã đóng là 15.450.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã hót và số tiền đã đóng bà T còn thiếu là $28.500.000 \text{ đồng} - 15.450.000 \text{ đồng} = 13.050.000 \text{ đồng}$.

7/. Hui khai ngày 10/04/2016, hui 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà T tham gia 01 phần đã hót kỳ thứ hai với số tiền là 26.350.000 đồng và đã đóng được: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2 hót; kỳ 3: 2.000.000 đồng; kỳ 4: 2.000.000 đồng, với số tiền bà T đã đóng là 5.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã hót vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn thiếu là $26.350.000 \text{ đồng} - 5.500.000 \text{ đồng} = 20.850.000 \text{ đồng}$.

8/. Hui khai ngày 10/01/2015 dây hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần hót 01 phần vào kỳ thứ 3 là 16.100.000 đồng và hót một phần vào kỳ thứ 5 với số tiền là 14.250.000 đồng. Bà T đóng: kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: 1.400.000 đồng; kỳ 3: hót; kỳ 4: 1.745.000 đồng; kỳ 5 hót; từ kỳ 6 đến kỳ 19 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng là 30.800.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã hót vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn dư: $30.800.000 \text{ đồng} - 30.350.000 \text{ đồng} = 450.000 \text{ đồng}$.

9/. Hui khai ngày 10/06/2015, hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, đóng ngày 15 hàng tháng, bà tham gia 01 phần đã đóng được 01 kỳ 700.000 đồng và bà T hót kỳ thứ 2 với số tiền là 17.800.000 đồng. Từ kỳ thứ 3 đến kỳ thứ 14 mỗi kỳ bà T đóng 1.000.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng là 12.700.000

đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã đóng vào số tiền bà T đã hót bà T còn thiếu lại là 17.800.000 đồng – 12.700.000 đồng = 5.100.000 đồng .

10/. Hui khai ngày 10/03/2016, hui 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần đã hót kỳ thứ hai với số tiền là 14.500.000 đồng đã đóng kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 3: 1.750.000 đồng; kỳ 4: 1.840.000 đồng; kỳ 5: 1.810.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng 6.900.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền hót thì bà T còn thiếu: 7.600.000 đồng.

Số tiền bà T còn thiếu 159.890.000 đồng – số tiền bà T đóng hui sống chưa hót là 18.670.000 đồng = 141.220.000 đồng. Nay ông khởi kiện chỉ yêu cầu bà T trả 86.650.000 đồng, số còn lại là 54.570.000 đồng ông chưa yêu cầu.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn theo lời trình bày của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: “*Đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hui*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các ông bà Th, H, Ng, Đ và L là những người thừa kế quyền đòi tài sản của bà Nguyễn Hồng Ng là phù hợp Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2015. Các ông bà (Ng đơn) cho rằng bà Lê Thị Ngọc T xâm phạm quyền lợi của các ông bà nên các ông bà có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS. Bà Lê Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong năm 2015, bà Trần Thị Gái có tham gia Hợp đồng góp hui với bà Nguyễn Hồng Ng (vợ ông H) đã chết ngày 22/7/2016 do bà Ng làm thảo hui. Sau khi bà Ng chết giữa ông H và bà T không có ngồi lại chốt hui. Do bà Ng đột ngột chết làm cho các hợp đồng góp hui phải chấm dứt nên các đương sự tức là những người thừa kế của bà Ng và bà T phải trả cho nhau những gì đã nhận. Đối chiếu vào sổ hui bản chính do bà Ng chết để lại thì

có căn cứ xác định bà T có tham gia các hợp đồng góp hụi do bà Ng làm thảo gồm các dây hụi như:

[2.1]. Hụi khai ngày 10/01/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 23 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 16 kỳ thì hốt với số tiền từng kỳ đã đóng là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.500.000 đồng; kỳ 3: 3.680.000 đồng; kỳ 4: 3.500.000 đồng; kỳ 5: 3.500.000 đồng; kỳ 6: 3.600.000 đồng; kỳ 7: 3.700.000 đồng; kỳ 8: 3.640.000 đồng; kỳ 9: 3.550.000 đồng; kỳ 10: 3.370.000 đồng; kỳ 11: 3.300.000 đồng; kỳ 12: 3.400.000 đồng; kỳ 13: 3.600.000 đồng; kỳ 14: 3.900.000 đồng; kỳ 15: 3.850.000 đồng; kỳ 16: 3.800.000 đồng; kỳ 17: hốt 93.500.000 đồng; kỳ 18: đóng 5.000.000 đồng; kỳ 19: 5.000.000 đồng. Bà T đã đóng với số tiền là 67.390.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã hốt vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn thiếu $93.500.000 \text{ đồng} - 67.390.000 \text{ đồng} = 26.110.000 \text{ đồng}$.

[2.2]. Hụi khai ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 01 kỳ 3.500.000 đồng; kỳ 2: bà T hốt là 67.660.000 đồng; từ kỳ 3 đến kỳ 10 bà T đóng mỗi kỳ 5.000.000 đồng $\times 8 = 40.000.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ số tiền hụi hốt vào số tiền bà T đóng thì bà T còn thiếu là $67.660.000 \text{ đồng} - 43.500.000 \text{ đồng} = 24.160.000 \text{ đồng}$.

[2.3]. Hụi khai ngày 10/12/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 07 kỳ với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.500.000 đồng; kỳ 2: 3.440.000 đồng; kỳ 3: 3.800.000 đồng; kỳ 4: 3.750.000 đồng; kỳ 5: 3.700.000 đồng; kỳ 6: 3.980.000 đồng; kỳ 7: 3.850.000 đồng; kỳ 8: hốt 77.050.000 đồng. Khấu trừ số tiền đóng vào số tiền hốt thì bà T còn thiếu $77.050.000 \text{ đồng} - 26.020.000 \text{ đồng} = 51.020.000 \text{ đồng}$.

[2.4]. Hụi khai 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà T tham gia 01 phần đã đóng được 05 kỳ với số tiền từng kỳ cụ thể là: kỳ 1: 3.600.000 đồng; kỳ 2: 3.500.000 đồng; kỳ 3: 3.750.000 đồng; kỳ 4: 3.470.000 đồng; kỳ 5: 3.900.000 đồng, với số tiền là 18.220.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

[2.5]. Hụi khai ngày 10/5/2015 hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà T tham gia 01 phần đã hốt kỳ 11 với số tiền 34.500.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng cụ thể là: kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2: 1.450.000 đồng; kỳ 3: 1.450.000 đồng; kỳ 4: 1.450.000 đồng; kỳ 5: 1.450.000 đồng; kỳ 6: 1.450.000 đồng; kỳ 7: 1.450.000 đồng; kỳ 8: 1.450.000 đồng; kỳ 9: 1.450.000 đồng; kỳ 10: 1.450.000 đồng; kỳ 11: hốt; kỳ 12: 2.000.000 đồng; kỳ 13: 2.000.000 đồng; kỳ 14: 2.000.000 đồng; kỳ 15: 2.000.000 đồng. Bà T đã đóng là 22.500.000 đồng. Khấu

trừ tiền hụi đã hốt vào số tiền hụi đã đóng bà T còn thiếu 34.500.000 đồng – 22.500.000 đồng = 12.000.000 đồng.

[2.6]. Hụi khai ngày 10/10/2015 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần đã hốt kỳ 3 với số tiền là 28.500.000 đồng đã đóng đóng được từng kỳ cụ thể: kỳ 1: 1.450.000 đồng; kỳ 2: 1.450.000 đồng; kỳ 3: đã hốt; kỳ 4 đến kỳ 10 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng, với số tiền bà T đã đóng là 15.450.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã hốt và số tiền đã đóng bà T còn thiếu là 28.500.000 đồng – 15.450.000 đồng = 13.050.000 đồng.

[2.7]. Hụi khai ngày 10/04/2016, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 18 phần, bà T tham gia 01 phần đã hốt kỳ thứ hai với số tiền là 26.350.000 đồng và đã đóng được: kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 2 hốt; kỳ 3: 2.000.000 đồng; kỳ 4: 2.000.000 đồng, với số tiền bà T đã đóng là 5.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã hốt vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn thiếu là 26.350.000 đồng – 5.500.000 đồng = 20.850.000 đồng.

[2.8]. Hụi khai ngày 10/01/2015 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần hốt 01 phần vào kỳ thứ 3 là 16.100.000 đồng và hốt một phần vào kỳ thứ 5 với số tiền là 14.250.000 đồng. Bà T đóng: kỳ 1: 1.400.000 đồng; kỳ 2: 1.400.000 đồng; kỳ 3: hốt; kỳ 4: 1.745.000 đồng; kỳ 5 hốt; từ kỳ 6 đến kỳ 19 mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng là 30.800.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã hốt vào số tiền bà T đã đóng thì bà T còn dư: 30.800.000 đồng – 30.350.000 đồng = 450.000 đồng.

[2.9]. Hụi khai ngày 10/06/2015, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, đóng ngày 15 hàng tháng, bà tham gia 01 phần đã đóng được 01 kỳ 700.000 đồng và bà T hốt kỳ thứ 2 với số tiền là 17.800.000 đồng. Từ kỳ thứ 3 đến kỳ thứ 14 mỗi kỳ bà T đóng 1.000.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng là 12.700.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã đóng vào số tiền bà T đã hốt bà T còn thiếu là 17.800.000 đồng – 12.700.000 đồng = 5.100.000 đồng .

[2.10]. Hụi khai ngày 10/03/2016, hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần đã hốt kỳ thứ hai với số tiền là 14.500.000 đồng đã đóng kỳ 1: 1.500.000 đồng; kỳ 3: 1.750.000 đồng; kỳ 4: 1.840.000 đồng; kỳ 5: 1.810.000 đồng. Số tiền bà T đã đóng 6.900.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã đóng vào số tiền hốt thì bà T còn thiếu: 7.600.000 đồng.

Từ phân tích [2.1]; [2.2]; [2.3]; [2.3]; [2.4]; [2.5]; [2.6]; [2.7]; [2.8]; [2.9]; và [2.10] thì khấu trừ số tiền hụi còn thiếu vào số tiền hụi bà T đóng còn dư thì bà T thiếu những người thừa kế của bà Ng (159.890.000 đồng – 18.670.000 đồng = 141.220.000 đồng) nhưng tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu bà T trả 86.650.000 đồng số còn lại là 54.570.000 đồng chưa yêu cầu nên yêu cầu khởi

kiện các Ng đơn đối với việc yêu cầu bà T trả 86.650.000 đồng là có căn cứ là phù hợp với Điều 374 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Đối với số tiền 54.570.000 đồng do các Ng đơn chưa yêu cầu nên chưa đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho các Ng đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 271, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 374, Điều 611, Điều 613, Điều 651, Điều 382 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc “*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi*” với bà Lê Thị Ngọc T.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L trả 86.650.000 đồng

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/ Các Ng đơn có quyền khởi kiện bà Lê Thị Ngọc T đối với số tiền còn lại 54.570.000 đồng bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3/Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải nộp 4.332.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 2.166.000 đồng theo biên lai số 0003906 ngày 27/11/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy